**TÀI LIỆU ĐẶC TẢ DỊCH VỤ**

**P.CNTT – PTUD**

**Thông tin chung về tài liệu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đơn vị** | **Họ Tên** | **Chữ ký** |
| **Phòng công nghệ thông tin** | | |
| Người lập | Phạm Văn Thùy |  |
| Người phê duyệt |  |  |

**Quản lý phiên bản**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Tác giả** | **Mô tả** |
| 09/07/2019 | 1.0 | Phạm Văn Thùy | Create |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**Định nghĩa định dạng dữ liêu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **DataType** | **Format** | **Example** |
| Date |  |  |

Note

Khi call api cần truyền token để xác thực, api lấy token đã gửi kèm tài liệu sinh token

Khi call nếu token exprire sẽ trả ra response

{

"fault": {

"code": 900901,

"message": "Invalid Credentials",

"description": "Access failure for API: /crm/ts/v1, version: v1 status: (900901) - Invalid Credentials. Make sure you have given the correct access token"

}

}

1. API Checklead

a. Đặc tả thông tin kỹ thuật

|  |  |
| --- | --- |
| **Endpoint URL** | http://{host}:{port}/crm/ts/v1/checklead |
| **Name** |  |
| **Description** | Kiểm tra lead |
| **Method** | POST |
| **Content-type** | Application/json |
| **Authorization** | Bearer Token |
| **Request body** | {  "phoneNumber": "0984377455",  "nationalId": "079191002211"  } |
| **Response body success** | {  "status": "200",  "message": "Thành Công",  "timestamp": "2019-07-31T11:14:58.153+0700",  "data": {  "leadStatus": "SUCCESS"  }  } |
| **Response body khi khôg thành công** | {  "status": "400",  "message": "Dữ liệu đầu vào không hợp lệ",  "timestamp": "2019-07-31T11:17:04.550+0700",  "error": {  "errorCode": "000001",  "errorMsg": "Điện thoại null hoặc không đúng định dạng"  }  } |

b. Đặc tả các trường thông tin

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin đầu vào** | | | |
| **Field** | **Data Type** | **Not Null (Y/N)** | **Desc** |
| phoneNumber | String() | M | Số điện thoại data |
| nationalId | String | O | số CMND của data |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin đầu ra** | | | |
| **Field** | **TYPE** | **Not Null (Y/N)** | **Desc** |
| status | String (20) |  | Mã trạng thái API |
| message | String(200) |  | Thông tin mô tả trạng thái |
| timestamp | datetime |  | Thời gian API response, định dạng ISO |
| data | JsonObject |  | Data trả về trong trường hợp thành công, các trường mô tả bên dưới |
| leadStatus | String(100) | N | Trạng thái của lead khi gửi đủ thông tin  SUCCESS, DEDUP, REJECT |
| error | JsonObject |  | Object mô tả lỗi nếu có gồm errorCode, errorMsg |

c. Mã trạng thái

|  |  |
| --- | --- |
| StatusCode | Diễn giải |
| 200 | Thành công |
| 400 | Dữ liệu đầu vào không hợp lệ (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |
| 402 | Khách hàng bị black list |
| 403 | Lỗi trong quá trình check blacklist(Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |
| 411 | Khách hàng bị trùng |
| 412 | Có lỗi trong quá trình check trùng (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |
| 421 | Khách hàng không thỏa mãn điều kiện sản phẩm |
| 422 | Có lỗi trong quá trình xác định sản phẩm vay (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |
| 500 | Lỗi exception chung (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |

2. API bổ xung thông tin Lead

a. Đặc tả thông tin kỹ thuật

|  |  |
| --- | --- |
| **Endpoint URL** | http://{host}:{port}/crm/ts/v1/sendlead |
| **Name** |  |
| **Description** | Truy vấn thông tin lead |
| **Method** | POST |
| **Content-type** | Application/json |
| **Authorization** | Bearer Token |
| **Request body** | {  "phoneNumber": "05213774251",  "nationalId": "151600759",  "tsLeadId": "12",  "scoreRange": "630-739",  "productCode": "TRS02",  "telcoCode": "VIETTEL",  "source": "LG\_TSC",  "province": "Hà Nội",  "incomeLevel": "1",  "fullName": "Nguyễn Văn B",  "timestamp": "2019-07-12T09:12:08.671+0000"  } |
| **Response body success** | {  "status": "200",  "message": "Thành Công",  "timestamp": "2019-07-31T11:19:57.294+0700",  "data": {  "leadStatus": "SUCCESS",  "leadId": "65033"  }  } |
| **Response body error** | {  "status": "400",  "message": "Dữ liệu đầu vào không hợp lệ",  "timestamp": "2019-07-31T11:20:52.925+0700",  "error": {  "errorCode": "000001",  "errorMsg": "Điện thoại null hoặc không đúng định dạng"  }  } |

b. Đặc tả các trường thông tin

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin đầu vào** | | | |
| **Field** | **Data Type** | **Not Null (Y/N)** | **Desc** |
| phoneNumber | String() | M | Số điện thoại data |
| nationalId | String | O | số CMND của data |
| tsLeadId | integer | M | Lead ID ghi nhận tại Đối tác |
| scoreRange | string | O | Dải điểm của data |
| productCode | String | M | mã sản phẩm (không sử dụng phía SHBFinance) |
| telcoCode | String | O | Mã mạng |
| source | String | M | Mã đối tác cung cấp source |
| province | String | M | Tỉnh thành sinh sống của khách hàng  Tên tỉnh thành tiếng việt có dấu |
| incomeLevel | Integer | O | Thu nhập của khách hàng |
| fullName | String | O | Tên khách hàng |
| metadata | Json object | O | trường dự phòng cho tương lai |
| timestamp | Date | M | Ngày giờ đối tác truyền thông tin sang SHBFinance |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin đầu ra** | | | |
| **Field** | **TYPE** | **Not Null (Y/N)** | **Desc** |
| status | String (20) |  | Mã trạng thái API |
| message | String(200) |  | Thông tin mô tả trạng thái |
| timestamp | datetime |  | Thời gian API response, định dạng ISO |
| data | JsonObject |  | Data trả về, các trường mô tả bên dưới |
| leadId | String (20) | Y | Lead ID ghi nhận trên hệ thống CRM của SHBFinance |
| leadStatus | String(100) | N | Trạng thái của lead khi gửi đủ thông tin  SUCCESS, DEDUP, REJECT |
| error | JsonObject |  | Object mô tả lỗi nếu có gồm errorCode, errorMsg |

c. Mã trạng thái

|  |  |
| --- | --- |
| StatusCode | Diễn giải |
| 200 | Thành công |
| 400 | Dữ liệu đầu vào không hợp lệ (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |
| 402 | Khách hàng bị black list |
| 403 | Lỗi trong quá trình check blacklist(Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |
| 411 | Khách hàng bị trùng |
| 412 | Có lỗi trong quá trình check trùng (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |
| 421 | Khách hàng không thỏa mãn điều kiện sản phẩm |
| 422 | Có lỗi trong quá trình xác định sản phẩm vay (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |
| 500 | Lỗi exception chung (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |

3. API truy vấn trạng thái Lead

a. Đặc tả thông tin kỹ thuật

|  |  |
| --- | --- |
| **Endpoint URL** | http://{host}:{port}/crm/ts/v1/tracklead/{leadid} |
| **Name** |  |
| **Description** | Truy vấn thông tin lead |
| **Method** | GET |
| **Content-type** | Application/json |
| **Authorization** | Bearer Token |
| **Request body** |  |
| **Response body success** | {  "status": "200",  "message": "Thành Công",  "timestamp": "2019-07-31T11:22:36.984+0700",  "data": {  "leadStatus": "APPROVING",  "crmId": "35659",  "appCode": "TS1907310001765"  }  } |
| **Response body error** | {  "status": "400",  "message": "Dữ liệu đầu vào không hợp lệ",  "timestamp": "2019-07-31T11:26:50.754+0700",  "error": {  "errorCode": "400",  "errorMsg": "Lead id trống hoặc không phải dạng số"  }  } |

b. Đặc tả các trường thông tin

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin đầu vào** | | | |
| **Field** | **Data Type** | **Not Null (Y/N)** | **Desc** |
| lead\_id | String (20) |  | Lead id hệ thống CRM bên SHBFinance |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin đầu ra** | | | |
| **Field** | **TYPE** | **Not Null (Y/N)** | **Desc** |
| status | String (20) |  | Mã trạng thái API |
| message | String(200) |  | Thông tin mô tả trạng thái |
| timestamp | datetime |  | Thời gian API response, định dạng ISO |
| data | JsonObject |  | Data trả về, các trường mô tả bên dưới |
| leadId | String (20) |  | Lead ID ghi nhận trên hệ thống CRM của SHBFinance |
| crmId | String(20) |  | ID trên hệ thống Telesale của SHBfinance  Có khi đã vào hệ thống telesale |
| appCode | String(15) |  | Mã hồ sơ ghi nhận trên hệ thống LOS của SHBFinance nếu đã tạo app  Có khi lead đã tạo app trên LOS |
| leadStatus | String(15) |  | Trạng thái lead |
| error | JsonObject |  | Object mô tả lỗi nếu có gồm errorCode, errorMsg |

c. Mã trạng thái

|  |  |
| --- | --- |
| StatusCode | Diễn giải |
| 200 | Thành công |
| 400 | Dữ liệu đầu vào không hợp lệ (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |
| 500 | Lỗi exception chung (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |

|  |  |
| --- | --- |
| leadStatus | Diễn giải |
| UPLOADED | Chờ chuyển sang hệ thống telesale |
| TELESALE\_PROCESING | Telesale xử lý |
| COURIER\_PROCESING | Courier xử lý |
| APPROVING | Hồ sơ đang chờ phê duyệt |
| CANCEL | Hủy khoản vay |
| REJECT | Từ chố |
| APPROVED | Đã phê duyệt giải ngân |
| DISBURSMENT | Đã giải ngân |

4. API gửi quality lead

a. Đặc tả thông tin kỹ thuật

|  |  |
| --- | --- |
| **Endpoint URL** | http://{host}:{port}/crm/ts/v1/sendtql |
| **Name** |  |
| **Description** | Gửi lead TQL vào telesales và chuyển sang courier lấy hồ sơ |
| **Method** | POST |
| **Content-type** | Application/json |
| **Authorization** | Bearer Token |
| **Request body** | {  "source": "TS\_TSC",  "tsLeadId": "123456",  "fullName": "Nguyễn Văn B",  "nationalId": "151600789",  "phoneNumber": "0934435277",  "loanAmtPropose":10000,  "loanTerm":36,  "saleMobile":"0934435000",  "saleUser":"maiphuongthuy",  "saleCode":"xxx001",  "saleName":"Mai Phương Thúy",  "teamLeadSale":"Mai Phương Thúy",  "saleNote":"Khách hàng cần tiền gấp để đi spa",  "address":"Tràng Tiền plaza",  "province": "Hà Nội",  "district": "Hoàn Kiếm",  "scoreRange": "700-739",  "productCode": "",  "telcoCode": "VIETTEL",  "incomeLevel": "1",  "metadata": "",  "timestamp": "2019-07-12T09:12:08.671+0000"  } |
| **Response body success** | {  "status": "200",  "message": "Thành Công",  "timestamp": "2019-08-08T10:40:58.693+0700",  "data": {  "leadStatus": "SUCCESS",  "leadId": "65141"  }  } |
| **Response body error** | {  "status": "400",  "message": "Dữ liệu đầu vào không hợp lệ",  "timestamp": "2019-07-31T11:20:52.925+0700",  "error": {  "errorCode": "000001",  "errorMsg": "Điện thoại null hoặc không đúng định dạng"  }  } |

b. Đặc tả các trường thông tin

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin đầu vào** | | | |
| **Field** | **Data Type** | **Not Null (Y/N)** | **Desc** |
| source | String | M | Mã ký hiệu nguồn lead (mã đối tác)  SHBFinance sẽ cung cấp |
| tsLeadId | integer | M | Lead ID ghi nhận tại đối tác |
| nationalId | String | M | số CMND của data |
| phoneNumber | String | M | Số điện thoại data |
| loanAmtPropose | Float | M | Số tiền đề xuất vay |
| loanTerm | Integer | M | Kỳ hạn vay (số tháng) |
| saleMobile | String | M | Điện thoại sale |
| saleUser | String | M | User name sale |
| saleCode | String | M | Sale code |
| teamLeadSale | String | M | Mã quản lý của sale |
| saleNote | String | O | Ghi chú của sale cho người thu hồ sơ (Courier) |
| address | String | M | Địa chỉ khách hàng |
| province | String | M | Mã tỉnh |
| district | String | M | Mã quận, huyện |
| scoreRange | String | O | Dải điểm của khách hàng |
| productCode | String | O | mã sản phẩm (không sử dụng phía SHBFinance) |
| telcoCode | String | O | Mã mạng |
| province | String | M | Tỉnh thành sinh sống của khách hàng  Tên tỉnh thành tiếng việt có dấu |
| incomeLevel | Integer | O | Thu nhập của khách hàng |
| metadata | Json object | O | trường dự phòng cho tương lai |
| timestamp | Date | M | Ngày giờ đối tác truyền thông tin sang SHBFinance |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin đầu ra** | | | |
| **Field** | **TYPE** | **Not Null (Y/N)** | **Desc** |
| status | String (20) |  | Mã trạng thái API |
| message | String(200) |  | Thông tin mô tả trạng thái |
| timestamp | datetime |  | Thời gian API response, định dạng ISO |
| data | JsonObject |  | Data trả về, các trường mô tả bên dưới |
| leadId | String (20) | Y | Lead ID ghi nhận trên hệ thống CRM của SHBFinance |
| leadStatus | String(100) | N | Trạng thái của lead khi gửi đủ thông tin  SUCCESS, DUPLICATE, REJECT |
| error | JsonObject |  | Object mô tả lỗi nếu có gồm errorCode, errorMsg |

c. Mã trạng thái

|  |  |
| --- | --- |
| StatusCode | Diễn giải |
| 200 | Thành công |
| 400 | Dữ liệu đầu vào không hợp lệ (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |
| 411 | Khách hàng bị trùng |
| 412 | Có lỗi trong quá trình check trùng (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |
| 421 | Khách hàng không thỏa mãn điều kiện sản phẩm |
| 422 | Có lỗi trong quá trình xác định sản phẩm vay (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |
| 500 | Lỗi exception chung (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |

5. API Thông báo hẹn được khách hàng

a. Đặc tả thông tin kỹ thuật

|  |  |
| --- | --- |
| **Endpoint URL** | http://{host}:{port}/crm/ts/v1/resendcourier |
| **Name** |  |
| **Description** | Gửi lead TQL vào telesales và chuyển sang courier lấy hồ sơ |
| **Method** | POST |
| **Content-type** | Application/json |
| **Authorization** | Bearer Token |
| **Request body** | {  "leadId": "12345",  "callResult": "RELEAD",  "saleNote": "Khách hàng đồng ý vay, nhưng yêu cầu tặng ô tô mới sử dụng dịch vụ",  "timestamp": "2019-07-12T09:12:08.671+0000"  } |
| **Response body success** | {  "status": "200",  "message": "Thành Công",  "timestamp": "2019-08-08T14:39:03.084+0700"  } |
| **Response body error** | {  "status": "400",  "message": "Dữ liệu đầu vào không hợp lệ",  "timestamp": "2019-07-31T11:20:52.925+0700",  "error": {  "errorCode": "000001",  "errorMsg": "Lead id không đúng"  }  } |

b. Đặc tả các trường thông tin

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin đầu vào** | | | |
| **Field** | **Data Type** | **Not Null (Y/N)** | **Desc** |
| leadId | String | M | Lead ID ghi nhận tại SHBFinance |
| callResult | integer | M | Kết quả của việc Telesale gọi điện tư vấn lại cho khách hàng :   * LEAD\_PENDING : khách hàng đang cân nhắc lại khoản vay (với kết quả này, hệ thống chỉ cập nhật trạng thái và theo dõi tiếp)   LEAD\_DELETED: khách hàng không đồng ý vay (với kết quả này, hệ thống cập nhật trạng thái là hủy)  RELEAD : khách hàng đồng ý chuẩn bị hồ sơ, chuyển Courier đi lấy hồ sơ (với kết quả này, hệ thống gán lead lại cho Courier xử lý hồ sơ trước đó) |
| saleNote | String | M | Ghi chú của telesale muốn gửi cho Courier |
| timestamp | Date | M | Ngày gửi thông tin, định dạng ISO  "yyyy-MM-dd'T'HH:mm:ss.SSSZ" |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin đầu ra** | | | |
| **Field** | **TYPE** | **Not Null (Y/N)** | **Desc** |
| status | String (20) |  | Mã trạng thái API |
| message | String(200) |  | Thông tin mô tả trạng thái |
| timestamp | datetime |  | Thời gian API response, định dạng ISO |
| error | JsonObject |  | Object mô tả lỗi nếu có gồm errorCode, errorMsg |

c. Mã trạng thái

|  |  |
| --- | --- |
| StatusCode | Diễn giải |
| 200 | Thành công |
| 400 | Dữ liệu đầu vào không hợp lệ (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |
| 500 | Lỗi exception chung (Cần check thêm mã lỗi và mô tả lỗi) |